

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**

Bản án số: 29/2026/KDTMST

Ngày: 03/03/2026

Về việc: “**Tranh chấp hợp đồng
tín dụng**”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan
2. Ông Phạm Văn Bình

Thư ký phiên toà: Ông Ngô Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2- Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 2748/2026/QĐST- DS ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc “**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐST- DS ngày 15 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 32/2026/QĐST-DS ngày 09/02/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S;

Trụ sở chính: 266-268 đường N, phường V, quận 3, thành phố H (nay là phường X, thành phố H).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền : Bà Nguyễn Thu H - Giám đốc chi nhánh Đ

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Trần Kim N, chuyên viên Ngân hàng - Chi nhánh Đ - Có mặt tại phiên toà

- Bị đơn: Bà Nguyễn Vy L, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 19, ngõ 102 T, phường K, thành phố H - Vắng mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 14/11/2019, bà Nguyễn Vy L ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (viết tắt là S) “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” và bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S. Căn cứ vào mức thu nhập của bà L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa PayWave Ladies First - NOTISSUE, số thẻ 486265 - 7138 với hạn mức sử dụng thẻ là 30.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2,766%/tháng

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 407.399.868 đồng.

Theo quy định, tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng tại từng thời điểm khác nhau. Ngoài ra bà L phải chịu các khoản phí theo Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà L mới thanh toán trả Ngân hàng được tổng số tiền 419.176.764 đồng gồm các khoản phí hoặc lãi của kỳ trước và trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt, giao dịch mua hàng hoá kỳ trước, trong kỳ. Kể từ ngày 22/08/2023 đến nay, bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng.

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà L không có thiện chí trả nợ. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 22/12/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dự nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến thời điểm khởi kiện, bà L còn nợ S tổng số tiền 34.047.184 đồng, bao gồm 23.773.994 đồng tiền nợ gốc và 10.273.170 đồng nợ lãi quá hạn.

Nay S khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết, buộc bà Nguyễn Vy L phải thanh toán trả S ngay toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng.

** Bị đơn - bà Nguyễn Vy L đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Do sự vắng mặt của bị đơn nên Toà án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành các thủ tục tố tụng khác theo quy định của pháp luật đối với bị đơn.*

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với khoản nợ gốc, giảm số tiền nợ gốc từ 31.773.994 đồng xuống 22.068.994 đồng và thay đổi số tiền nợ lãi từ 16.620.656 đồng lên 26.325.656 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 48.394.650 đồng theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” ngày 14/11/2019 và Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng tín dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 2 - Hà Nội có quan điểm:

- Về việc tuân theo Pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ nộp kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S và xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Ngày 10/11/2025, Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, ngày 29/01/2026, thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán, thư ký quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, phổ biên nội quy phiên tòa, quyền và nghĩa vụ của đương sự, đảm bảo việc hỏi, tranh luận đúng quy định; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 9, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S với bà Nguyễn Vy L; Buộc bà L phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc bị đơn còn phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp, về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện bị đơn - bà Nguyễn Vy L có địa chỉ cư trú cuối cùng là số 19, ngõ 102 T, phường K, thành phố H, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” ngày 14/11/2019 giữa các bên. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc của nguyên đơn: Ngày 14/11/2019, bà Nguyễn Vy L và Ngân hàng Thương mại cổ phần S phát sinh quan hệ tín dụng thông qua việc Ngân hàng phát hành thẻ tín dụng theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” ngày 14/11/2019 cho bà L. Xét thấy, giao dịch của các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, mục đích giao kết không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức, nội dung phù hợp quy định của pháp luật về giao dịch vay tài sản nên căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015, thỏa thuận trên có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia.

Theo thỏa thuận, S đồng ý cấp cho bà L thẻ tín dụng có hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, hình thức bảo đảm là tín chấp. Phương thức thanh toán: Nợ gốc và lãi trả theo kỳ vào ngày 22 hàng tháng; Lãi suất các bên thỏa thuận áp dụng theo “Bản điều khoản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng” do S ban hành và Biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng S ban hành kèm theo Quyết định về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S phát hành tại Việt Nam số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/08/2019. Tại thời điểm cấp tín dụng, S quy định lãi suất trong hạn đối với khoản vay là 2,766%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn

Quá trình sử dụng thẻ, theo các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, bà L đã sử dụng tổng số tiền 407.399.868 đồng, đã thanh toán trả S được 419.176.764 đồng bao gồm thanh toán các khoản phí hoặc lãi của kỳ trước và trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt, giao dịch mua hàng hoá kỳ trước, trong kỳ. Từ ngày 22/08/2023, bà L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng và trước đó từ ngày 22/05/2021, bà L không sử dụng hạn mức tín dụng được cấp.

Từ ngày 22/12/2023, toàn bộ dư nợ gốc chưa thanh toán của bà L bị áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn là 4,15%/tháng

Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào “Tóm tắt sao kê” tài khoản thẻ tín dụng của khách hàng Nguyễn Vy L và các thông báo nợ quá hạn của Ngân hàng do S cung cấp, dư nợ gốc phải thanh toán của bà L đến thời điểm bà L dừng sử dụng thẻ (tháng 5/2023) là 29.999.814 đồng, tại thời điểm chuyển nợ quá hạn - ngày 22/12/2023 là 31.773.994 đồng. Sau thời điểm chuyển nợ quá hạn đến nay, bà L thanh toán cho Ngân hàng thêm 9.705.000 đồng trừ vào nợ gốc, do đó dư nợ gốc giảm xuống còn 22.068.994 đồng. Theo quy định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, S yêu cầu bà L thanh toán số tiền nợ gốc là 22.068.994 đồng là có căn cứ, cần buộc bà L phải có nghĩa vụ thực hiện.

[2.2]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng do S ban hành và bà L đã đồng ý chấp thuận thì mức lãi suất vay trong hạn là 2,766%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật nên việc bà L và S thỏa thuận về lãi suất vay 2,766%/tháng tại thời điểm giao kết hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày 14/11/2019 đến ngày 22/11/2023, bà L đã thanh toán trả Ngân hàng được tổng số tiền là 419.176.764 đồng, bao gồm nợ gốc và lãi trong hạn. Từ ngày 22/12/2023, do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ dư nợ của bà L bị áp dụng lãi suất quá hạn là $2,766\%/tháng \times 150\% = 4,15\%/tháng$

Kể từ thời điểm Ngân hàng chuyển nợ quá hạn (ngày 22/12/2023) đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tổng số 02 năm 02 tháng 12 ngày, dư nợ gốc của bà L bị áp dụng lãi suất quá hạn là 4,15%/tháng

Như vậy tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn tính đến thời điểm xét xử bà L phải chịu là 26.325.656 đồng

Tổng cộng số tiền nợ gốc nợ lãi bà L còn nợ Ngân hàng là: 22.068.994 đồng + 26.325.656 đồng = 48.394.650 đồng

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 48.394.650 đồng là có căn cứ, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán trả nguyên đơn

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tiếp tục tính lãi đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán của bà L kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử đến khi thanh toán xong khoản nợ, theo theo Án lệ số 08/2016/AL “về việc xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử” được lựa chọn từ quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16/05/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: “Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 và quy định tại Án lệ số 08/2016/AL, buộc bà L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho S

[3]. Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án và điểm b Mục 1.3 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết, bà Nguyễn Vy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $48.394.650 \text{ đồng} \times 5\% = 2.419.732 \text{ đồng}$

Hoàn trả S số tiền tạm ứng án phí 835.611 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015560 ngày 07/11/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Hà Nội

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/04/2010 của Ngân hàng Nhà

nước Việt Nam; Thông tư 39/2016/TT - NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước và Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án và điểm b Mục 1.3 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị Quyết.

*** Tuyên xử:**

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bà Nguyễn Vy L về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” ngày 14/11/2019 của bà L đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Buộc bà Nguyễn Vy L phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” ngày 14/11/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 03/03/2026) là 48.394.650 đồng (*Bốn mươi tám triệu ba trăm chín tư ngàn sáu trăm năm mươi đồng*), bao gồm: Nợ gốc: 22.068.994 đồng (*Hai hai triệu không trăm sáu tám ngàn chín trăm chín tư đồng*) và nợ lãi quá hạn: 26.325.636 đồng (*Hai mươi sáu triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm ba sáu đồng*)

[2]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Vy L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Vy L phải chịu 2.419.732 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 835.611 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0015560 ngày 07/11/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Hà Nội

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án sơ thẩm.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng
- VKSND khu vực 2 - Hà Nội
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Phòng THA dân sự khu vực 2 - Hà Nội
- Lưu hồ sơ vụ án



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Diệu Thúy

